TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2019/KDTM-ST Ngày 21-11-2019 V/v tranh chấp hợp đồng cung cấp phụ tùng, dịch vụ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Phạm Thị Bấm

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Dương Minh Nghĩa, Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng cung cấp phụ tùng, dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 673/2019/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 685/2019/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty X; địa chỉ trụ sở: phố A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê Văn T; chức vụ: Giám đốc tài chính;

Ông Bùi Mạnh H; chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật;

Bà Nguyễn Thị Đ; chức vụ: Giám sát pháp chế;

Đều là người đại diện theo ủy quyền của Công ty X (Văn bản ủy quyền ngày ngày 19/11/2019); đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Q, Luật sư văn phòng luật sư Đ - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Y; địa chỉ trụ sở: đường A1, phường B1, quận C1, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Thu H; là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Y (Văn bản ủy quyền số 01 ngày 10/6/2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị N và bà Ngô Thị Tuyết N, đều là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV N - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ án tranh chấp về hợp đồng cung cấp phụ tùng, dịch vụ ngày 18/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/5/2019, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Công ty X và Công ty Y ký kết hợp đồng cung cấp phụ tùng - dịch vụ số 08Q3130T-CB-PTM ngày 07/3/2017 với nội dung: Cung cấp phụ tùng cho động cơ CAT 3412E lắp trên tàu chở khách HP 3899 của Công ty Y, bao gồm 53 danh mục, trị giá 629.029.500 đồng; thời hạn giao hàng từ 35 đến 40 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty X tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khi giao hàng phải có biên bản giao nhận giữa hai bên. Thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Sau 30 ngày không thanh toán phải chịu phạt 0.02%/ngày tính trên tổng số tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Điều kiện về chứng từ thanh toán: Công ty X có trách nhiệm cung cáp hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) và biên bản giao hàng. Thời hạn bảo hành: 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong vòng 03 ngày sau khi giao hàng, nếu khách hàng không gửi thông báo chi tiết đến nhà cung cấp về việc hàng giao không phù hợp với quy cách phẩm chất, hoặc số lượng ít hơn số lượng trong đơn đặt hàng hoặc phiếu gửi hàng đính kèm với hàng giao, việc giao hàng được coi như hàng đúng quy cách, phẩm chất, đủ số lượng.

Ngày 05/6/2017, Công ty X và Công ty Y ký kết Phụ lục hợp đồng số 08Q3130T-CB-PTM-01 với nội dung điều chỉnh bổ sung, sửa đổi danh mục phạm vi phụ tùng cung cấp gồm 70 danh mục, giá trị hợp đồng là 706.344.200 đồng.

Do hợp đồng không có cam kết về việc thực hiện dịch vụ lắp đặt động cơ vào tàu, việc thử tải cũng như đảm bảo tốc độ, mức tiêu hao nhiên liệu, sức chở.. nên nguyên đơn không có trách nhiệm phải thực hiện những công việc này. Việc có những lần thử tải là do phía nguyên đơn hỗ trợ khách hàng chứ không có trong

hợp đồng. Tại thời điểm thay thế, bảo dưỡng đại tu động cơ, cung cấp các thiết bị động cơ thì tàu HP3899 chỉ còn 06 tháng là hết niên hạn sử dụng nên các linh kiện đã quá cũ, việc thay thế một số linh kiện trong động cơ không thể đảm bảo tàu vận hành đạt như mới (sức chở, vận tốc…) theo yêu cầu của Công ty Y. Hơn nữa, tải trọng của tàu phụ thuộc vào nhiều yếu tố và các bộ phận khác của tàu như thân vỏ, hệ trục chân vịt, tuyến hình cánh, dòng nước, thời tiết … chứ không chỉ phụ thuộc vào động cơ. Công ty X và Công ty Y ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 30/6/2017 với nội dung quy định 70 danh mục hàng hóa phụ tùng cung cấp như trong phụ lục hợp đồng đã ký kết; chất lượng hàng hóa và thời gian giao hàng; giá trị hợp đồng và thanh lý hợp đồng là 706.344.200 đồng. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn GTGT số 0000228 ngày 30/6/2017 theo số tiền trên. Sau khi nguyên đơn xuất hóa đơn, Công ty Y không có văn bản phản hồi về số lượng, chủng loại, chất lượng về hàng hóa cung cấp. Đến ngày 19/01/2018, khi Công ty X có thư nhắc nợ quá hạn lần 1, Công ty Y mới có ý kiến không thanh toán do thử tải không đạt yêu cầu thể hiện tại Công văn số 03/CVCB ngày 15/3/2018; Công văn số 31/CVCB ngày 10/11/2018.

Hai bên đã ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, đại diện bị đơn là ông Nguyễn Quốc Vinh - Phó giám đốc trực tiếp ký. Trong biên bản này ghi rõ: "Sau khi đã bàn giao đầy đủ các vật tư - phụ tùng như trên. Hai bên thỏa thuận ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng như sau: …". Biên bản này cũng công nhận toàn bộ các danh mục phụ tùng mà Công ty X đã cung cấp cho Công ty Y để làm cơ sở Công ty X xuất hóa đơn GTGT. Tại biên bản cũng ghi rõ, bên A (Công ty X) đã bàn giao đầy đủ phụ tùng và dịch vụ sửa chữa theo đúng tiến độ, số lượng và chất lượng, chủng loại theo đúng hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký giữa các bên. Việc các bên bỏ trống ngày, tháng của dòng "đại diện hai Bên đã ký biên bản giao nhận ngày tháng năm 2017" là do lỗi soạn thảo.

Điều kiện thanh toán theo Điều 8 của hợp đồng đã đầy đủ, gồm biên bản giao hàng, hóa đơn GTGT đã được giao cho bị đơn quá thời hạn thanh toán (30 ngày). Vì vậy, Công ty X khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty Y thanh toán số tiền theo hợp đồng 706.334.200 đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày 31/7/2017 cho đến phiên tòa hôm nay ngày 21/11/2019 với mức lãi suất 0,02%/ngày là 119.087.946 đồng; tổng cộng là 825.422.146 đồng.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có quan điểm trình bày trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa như sau:

Bị đơn xác nhận về nội dung hợp đồng ký kết giữa Công ty X và Công ty Y. Tuy nhiên, hợp đồng không chỉ quy định về việc cung ứng phụ tùng cho tàu mà

còn có quy định về việc cung ứng dịch vụ (gói nhân công) để sửa chữa, thay thế bằng chính các phụ tùng Công ty X cung cấp và phải đảm bảo cho tàu chở được 60 hành khách. Công ty X đã tham gia chạy thử tàu nhiều lần nhưng tàu chạy không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật (không chở được 60 hành khách, hao tốn nhiên liệu hơn tiêu chuẩn…), vì vậy Công ty X đã phải chịu chi phí nhiên liệu. Như vậy, thể hiện trách nhiệm chưa hoàn thành của Công ty X đối với Công ty Y trong việc cung ứng phụ tùng, dịch vụ sửa chữa động cơ tàu.

02 biên bản bàn giao hàng mà bị đơn cung cấp là không hợp lệ vì những người nhận hàng không đủ thẩm quyền, không có ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty Y nên không thể coi đây là điều kiện để thanh toán.

Các bên có ký biên bản thanh lý nhưng thực tế hợp đồng chưa được thực hiện xong, còn thiếu và chưa có phần nghiệm thu của công việc dịch vụ đã quy định trong hợp đồng, trong biên bản thanh lý hợp đồng không ghi ngày của biên bản bàn giao; không có biên bản bàn giao phụ tùng hợp lệ - là một trong hai căn cứ bắt buộc theo hợp đồng. Mặt khác, sau đó Công ty Y đã yêu cầu Công ty X thanh lý hợp đồng nhưng hai bên chưa thực hiện. Công văn tiếp theo về việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn nhận lại động cơ và phụ tùng; văn bản của Công ty X đã đồng ý nhận lại động cơ, thể hiện Công ty X đã cung cấp phụ tùng, dịch vụ không đảm bảo theo yêu cầu của hợp đồng.

Đến nay, vẫn chưa có biên bản nghiệm thu đưa động cơ lên tàu vào sử dụng giữa hai bên thể hiện việc cung cấp phụ tùng và dịch vụ tương ứng không được thực hiện đúng theo hợp đồng. Vì vậy, bị đơn chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn nên Công ty Y không vi phạm điều khoản thanh toán tiền.

Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án buộc nguyên đơn sửa chữa đảm bảo động cơ hoạt động.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền phụ tùng động cơ CAT 3412E theo hợp đồng mua bán phụ tùng giữa hai bên là hợp pháp. Vì nguyên đơn đã cung cấp đủ phụ tùng động cơ cho bị đơn như hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký giữa hai bên. Công ty X cũng đã hoàn thành gói nhân công sửa chữa bao gồm việc tháo rã động cơ và thay thế phụ tùng động cơ, gói nhân công sửa chữa được giới hạn về mặt địa lý - ở kho của Công ty X tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Giữa hai bên đã có biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, chủ thể ký kết là hợp pháp. Việc thử tải động cơ trên tàu là công việc mang tính hỗ trợ của phía nguyên đơn đối với bị đơn vì trong hợp đồng không quy định nghĩa vụ của nguyên đơn. Hơn nữa, theo giấy chứng nhận thiết kế hoán cải của tàu HP 3899 thì động cơ trên tàu phải là máy C32, việc bị đơn thử tải

động cơ CAT 3412E trên tàu HP 3899 là không đúng quy định của pháp luật. Điều kiện thanh toán theo hợp đồng là biên bản giao hàng (biên bản giao phụ tùng ngày 12/4/2017, biên bản giao động cơ ngày 20/4/2017) và nguyên đơn đã xuất hóa đơn GTGT. Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 30/6/2017. Do đó, thời hạn thanh toán tiền của bị đơn là ngày 31/7/2017 nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán nên đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cả tiền hàng và tiền lãi cho nguyên đơn như nguyên đơn đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm như sau: Hợp đồng số 08Q3130T-CB-PTM ngày 07/3/2017 ký giữa Công ty X và Công ty Y là hợp đồng cung cấp phụ tùng - dịch vụ, gồm 2 nội dung chính: cung cấp phụ tùng cho động cơ và gói nhân công sửa chữa đảm bảo cho động cơ CAT 3412E hoạt động được khi lắp lên tàu HP 3899 chở được 60 hành khách với tốc độ tiêu chuẩn 35 – 36 hải lý/giờ. Điều kiện thanh lý hợp đồng là hóa đơn GTGT và biên bản giao hàng. Tuy nhiên, biên bản giao hàng không hợp lệ vì phần người nhận ghi tên ông Nguyễn Quốc Vinh – Phó Giám đốc Công ty Y (người được ủy quyền hợp pháp) nhưng người ký biên bản nhận là ông Nguyễn Văn Điển - là nhân viên công ty nhưng không được ủy quyền hợp lệ. Biên bản thanh lý hợp đồng cũng để trống ngày của biên bản giao hàng. Như vậy, phải coi là không có biên bản giao hàng hợp lệ vì phụ tùng tuy được thay thế lắp vào động cơ CAT 3412E nhưng chưa đảm bảo động cơ hoạt động và khi động cơ lắp lên tàu HP 3899 chưa hoạt động theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đây cũng là mục đích của Công ty Y khi ký hợp đồng với Công ty X vì phù hợp với ngành nghề kinh doanh của hai công ty và hai bên đều đã biết khi trao đổi trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng. Sau khi thay thế phụ tùng động cơ, hai bên đã tiến hành thử tải nhiều lần nhưng đều không đạt, tàu không hoạt động nên Công ty X còn chịu cả tiền dầu khi tàu chạy thử; Công ty X cũng có văn bản về việc đề nghị mua lại động cơ CAT 3412E. Do vậy, Công ty X đã giao phụ tùng động cơ và sửa chữa động cơ không phù hợp với mục đích của Công ty Y khi giao kết hợp đồng là đảm bảo động cơ CAT 3412E hoạt động để tàu HP 3899 hoạt động bình thường, đảm bảo chở được 60 hành khách và đạt tốc độ quy định. Mục đích này Công ty X buộc phải biết khi ký và thực hiện hợp đồng với Công ty Y, nguyên đơn đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Thương mại. Nên Công ty Y tạm ngừng thanh toán cho Công ty X theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Thương mại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải cung cấp và sửa chữa động cơ đảm bảo cho động cơ CAT 3412E và tàu HP 3899 hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, như mục đích của các bên khi giao kết hợp đồng và bị đơn sẽ thanh toán tiền hàng theo hợp đồng giữa hai bên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc

chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hợp đồng cung cấp phụ tùng đã ký kết giữa các chủ thể là tổ chức có đăng ký kinh doanh, bị đơn có trụ sở trên địa bàn quận Ngô Quyền. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy hợp đồng cung cấp phụ tùng, dịch vụ ký kết giữa hai bên là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp đủ phụ tùng động cơ CAT 3412E, có đại diện của Công ty Y ký xác nhận. Trong hợp đồng ký giữa hai bên không thỏa thuận về chất lượng của động cơ cũng như việc thử tải động cơ và thử tải của tàu HP 3899. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền hàng và phải thanh toán khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 430, 432 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn Công ty Y thanh toán số tiền phụ tùng động cơ theo hợp đồng là 706.334.200 đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày 31/7/2017 cho đến ngày mở phiên tòa với mức lãi suất 0,02%/ngày là 119.087.946 đồng; tổng cộng là 825.422.146 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty Y còn phải còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 36.762.664 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí 19.970.000 đồng nguyên đơn đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh là Công ty X và Công ty Y được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty Y có trụ sở hoạt động trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp:

[2] Công ty X và Công ty Y ký hợp đồng cung cấp phụ tùng thay thế cho động cơ Caterpillar (CAT) 3412E để lắp trên tàu HP 3899. Quan điểm của nguyên đơn cho rằng, trong điều khoản của hợp đồng không có quy định về việc lắp động cơ lên tàu, đảm bảo cho động cơ hoạt động cũng như việc thử tải của động cơ và thử tải của tàu HP 3899 nên quan hệ pháp luật giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng cung cấp phụ tùng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng ký giữa nguyên đơn và bị đơn lấy tên là "hợp đồng cung cấp phụ tùng, dịch vụ" số 08Q3130T-CB-PTM ngày 07/3/2017, nội dung cung cấp phụ tùng cho động cơ Caterpillar 3412E; danh mục phụ tùng thay thế lắp ráp cho động cơ điều chỉnh từ 53 mục lên 70 danh mục theo sự thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở khuyến cáo của nguyên đơn, trong đó có gói nhân công sửa chữa động cơ. Bị đơn là khách hàng quen thuộc nhiều năm của nguyên đơn, các bên có quan hệ làm ăn lâu dài, tin tưởng nhau và đã nhiều lần ký hợp đồng thay thế phụ tùng động cơ mà không có tranh chấp nên khi ký hợp đồng các bên thỏa thuận điều khoản thanh toán là bị đơn trả tiền sau 30 ngày từ khi giao hàng đầy đủ (có biên bản giao hàng) và xuất hóa đơn GTGT mà Công ty Y không cần đặt cọc hay thanh toán trước một phần giá trị hợp đồng. Ngành nghề kinh doanh của Công ty X - đơn vị độc quyền của hãng Caterpillar tại Việt Nam - là bán phụ tùng động cơ máy CAT và cung cấp các dịch vụ đi kèm như: bảo hành, thay thế, lắp đặt.. Hơn nữa, xuất phát từ đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty Y là đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải hành khách nên thay thế phụ tùng động cơ để phục vụ hoạt động của tàu chở khách và mục đích của hai bên khi ký kết hợp đồng là nâng cấp công suất hoạt động của động cơ, nâng cao hiệu quả vận tải hành khách khi lắp đặt lên tàu HP 3899. Mặc dù trong hợp đồng không có điều khoản về đảm bảo hoạt động của động cơ nhưng sau khi thay thế phụ tùng của động cơ CAT 3412E, Công ty X vẫn cùng với Công ty Y tham gia vào việc thử tải động cơ, thử tải động cơ khi lắp lên tàu và chịu cả tiền dầu chạy thử tàu cùng với Công ty Y. Do vậy, xuất phát từ mục đích của các bên khi ký hợp đồng và thực tế quá trình thực hiện hợp đồng, phải xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng cung cấp phụ tùng, dịch vụ.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: Nguyên đơn cho rằng hợp đồng cung cấp phụ tùng số 08Q3130T-CB-PTM ngày 07/3/2017 giữa Công ty X và Công ty Y đã hoàn thành. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng, điều kiện thanh toán đã đầy đủ gồm hóa đơn giá trị gia tăng đối với phụ tùng động cơ thay thế cho Công ty Y và biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 30/6/2017, theo đó 30 ngày sau Công ty Y phải thanh toán tiền trả Công ty X

nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền hàng là 706.334.200 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2017 (30 ngày sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng) đến ngày mở phiên tòa ngày 21/11/2019 theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,02%/ngày, số tiền lãi là 119.087.946 đồng; tổng cộng yêu cầu bị đơn thanh toán 825.422.146 đồng.

[4] Như trên đã phân tích, hợp đồng ký giữa hai bên phải được hiểu là "Hợp đồng cung cấp phụ tùng, dịch vụ"; mặc dù Công ty X đã thay thế và lắp đặt đủ 69 danh mục phụ tùng động cơ như hai bên thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng số 08Q3130T-CB-PTM-01 ngày 05/6/2017 và Công ty Y đã nhận động cơ nhưng phần "dịch vụ" trong hợp đồng chưa được thực hiện. Biên bản thanh lý hợp đồng để trống ngày giao hàng thể hiện các bên chưa thống nhất về chất lượng hàng hóa. Khi bàn giao động cơ cho Công ty Y, Công ty X không có tài liệu chứng minh động cơ đảm bảo hoạt động đúng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Các bên đã tiến hành thử tải nhiều lần nhưng động cơ hoạt động chưa đúng tiêu chuẩn, khi lắp lên tàu thì không đảm bảo hoạt động của tàu HP 3899; giữa nguyên đơn và bị đơn còn đang tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng đã được thực hiện nhưng chưa hoàn thành nên chưa chấm dứt theo quy định tại khoản 1 Điều 422 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về đòi tiền lãi do chưa thanh toán tiền hàng theo hợp đồng của nguyên đơn số tiền là 119.087.946 đồng.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền phụ tùng động cơ: Nguyên đơn cho rằng đã lắp đặt đủ 69 danh mục phụ tùng động cơ CAT 3412E và gói nhân công sửa chữa động cơ nên yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 706.334.200 đồng như hợp đồng và phụ lục hợp đồng hai bên đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy, việc đưa ra các danh mục phụ tùng động cơ thay thế và tăng số lượng danh mục phụ tùng do hai bên thỏa thuận nhưng trên cơ sở khuyến cáo của nguyên đơn do đây là lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật của nguyên đơn và các bên đã là khách hàng thân thiết của nhau. Việc lắp động cơ CAT 3412E lên tàu HP 3899 và việc thử tải trên tàu HP 3899 là không đúng quy định của pháp luật vì động cơ đang hoạt động trên tàu HP 3899 theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa của Chi cục đăng kiểm số 10 - Cục đăng kiểm Việt Nam là máy chính Caterpillar C32 nhưng nguyên đơn vẫn cùng bị đơn thực hiện dẫn đến việc động cơ CAT 3412E đã được thay thế 69 danh mục phụ tùng nhưng vẫn không hoạt động được. Hậu quả, Công ty Y đã để nguyên động cơ trên tàu HP 3899 từ đó đến nay. Các bên đều xác nhận, nếu tháo phụ tùng ra khỏi động cơ nhiều phụ tùng bị hỏng, sẽ không tái sử dụng được, đồng thời chi phí cho việc tháo rã động cơ rất tốn kém tiền bạc. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không có nhu cầu sử dụng các phụ tùng động cơ mới thay thế. Trên thực tế, phụ tùng động cơ Công ty X cung cấp là

phụ tùng mới, chính hãng; Công ty Y đã nhận phụ tùng động cơ nhưng không sử dụng được và hiện đang quản lý các phụ tùng đã được thay thế vào động cơ CAT 3412E. Thiệt hại giá trị hàng hóa này là do lỗi của cả hai bên, vì vậy Hội đồng xét xử xác định lỗi của mỗi bên là 50%. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty Y có trách nhiệm trả cho Công ty X ½ giá trị phụ tùng theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký giữa hai bên, số tiền 353.168.000 đồng (làm tròn); không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ½ giá trị phụ tùng theo hợp đồng đã ký giữa hai bên là 353.166.200 đồng và toàn bộ số tiền lãi do chậm thanh toán là 119.087.946; tổng cộng là 472.254.146 đồng theo quy định tại các điều 430; 432 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 51 của Luật Thương mại.

[6] Công ty Y được sở hữu toàn bộ thiết bị phụ tùng được thay thế vào động cơ CAT 3412E theo Hợp đồng cung cấp phụ tùng, dịch vụ ngày 07/3/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 05/6/2017 đã ký kết giữa hai bên (hiện Công ty Y đang quản lý).

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty X được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận: 5% x 353.168.000 đồng = 17.659.000 đồng (làm tròn).

[8] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận: 20.000.000 đồng + 4% x (472.254.146 đồng – 400.000.000 đồng) = 22.891.000 đồng (làm tròn).

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 422, 430, 432 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 51 Luật Thương mại

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với Công ty Y.

1. Bị đơn Công ty Y phải trả cho nguyên đơn Công ty X 50% số tiền phụ tùng động cơ theo Hợp đồng cung cấp phụ tùng dịch vụ số 08Q3130T-CB-PTM ngày 07/3/2017 và phụ lục hợp đồng số 08Q3130T-CB-PTM-01 ngày 05/6/2017 số tiền 353.168.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Công ty X) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Công ty Y) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Công ty Y được sở hữu các phụ tùng động cơ đã được lắp đặt vào động cơ CAT 3412E theo Hợp đồng cung cấp phụ tùng dịch vụ số 08Q3130T-CB-PTM ngày 07/3/2017 và phụ lục hợp đồng số 08Q3130T-CB-PTM-01 ngày 05/6/2017 (hiện Công ty Y đang quản lý).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về 50% số tiền phụ tùng động cơ là 353.166.200 đồng và về tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 119.087.946 của Công ty X đối với Công ty Y theo Hợp đồng cung cấp phụ tùng dịch vụ số 08Q3130T-CB-PTM ngày 07/3/2017 và phụ lục hợp đồng số 08Q3130T-CB-PTM-01 ngày 05/6/2017.

4. Về án phí:

Bị đơn Công ty Y phải chịu 17.659.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty X phải chịu 22.891.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.970.000 đồng theo Biên lai số 5812 ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Công ty X còn phải nộp 2.921.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Công ty X, bị đơn Công ty Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu